TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/DS - PT
Ngày: 23-9-2026
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu buộc chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kim Thương và ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2026/TLPT – DS ngày 04 tháng 8 năm 2026 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu buộc chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2026/DS-ST ngày 25/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2026/QĐ-PT ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn K, xã H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Đồng bị đơn: ông Tạ Á, sinh năm 1962; anh Tạ Văn H, sinh năm 1991; anh Tạ Văn M, sinh năm 1995; chị Tạ Thị L, sinh năm: 1993; chị Tạ Thị A, sinh năm 1997; anh Tạ Văn S, sinh năm 2000; chị Tạ Thị Thanh G, sinh năm 2003 và Bà Võ Thị G1, sinh năm 1968; cùng trú tại địa chỉ: Đ, thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của các đồng bị đơn: Công ty L1; địa chỉ: Số B N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Quang T – Giám đốc. Người được uỷ quyền lại: bà Hoàng Thị H1 - Phó giám đốc, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tạ Văn T1, sinh năm 1977 và bà Phan Thị H2, sinh năm 1980; cùng trú tại địa chỉ: Đ, thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Trần Văn H3, sinh năm 1978; địa chỉ: Đ, thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị.

+ Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: xã C, tỉnh Quảng Trị.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Tạ Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày:

Ngày 16/3/2012 ông Trần Văn H3 được UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 061046, đối với thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, diện tích 256 m^2. Ngày 07/4/2021, ông Trần Văn H3 đã lập hợp đồng tặng cho bà Trần Thị Mỹ Nhân Q sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân xã G chứng thực. Ngày 27/4/2021, sau khi đăng ký làm các thủ tục biến động đối với thửa đất trên, bà Trần Thị Mỹ N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 996704, đối với thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, diện tích 256 m^2, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Trần Thị Mỹ N đã thực hiện các quyền của mình về việc sử dụng thửa đất nói trên nhưng bị hộ gia đình ông Tạ Á, bà Võ Thị G1 cản trở việc sử dụng đất như phá các cột mốc chỉ giới của thửa đất, tiếp tục gieo trồng cây nông nghiệp trên thửa đất, tiếp tục đào sâu bề mặt của thửa đất, tự ý đóng các cọc bê tông và rào thửa đất bằng dây thép gai, nhiều lần cản trở việc đo đạc thửa đất của cơ quan chức năng, nhiều lần cản trở việc đổ đất san lấp mặt bằng để sử dụng đất của bà Trần Thị Mỹ N.

Vì vậy, bà Trần Thị Mỹ N làm đơn khởi kiện hộ gia đình ông Tạ Á yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Mỹ N đối với thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, diện tích 256 m^2, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BK 061046 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/4/2021 và buộc các các đồng bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, ông Tạ Văn H, bà Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G chấm dứt hành vi cản trở bà Trần Thị Mỹ N thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, chấm dứt việc canh tác các loại cây trồng trên đất và trả lại thửa đất cho bà Trần Thị Mỹ N.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị G1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của gia đình bà đã khai hoang và sử dụng từ năm 1997 đến nay, quá trình sử dụng không tranh chấp với ai. Việc Ủy

ban nhân dân huyện G lấy đất ruộng của gia đình bà đang sử dụng để cấp đất ở cho người khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà. Bà G1 cho rằng chỉ khi Nhà nước thu hồi đất ruộng của bà G1 sử dụng vào mục đích khác thì bà G1 mới đồng ý. Tại đơn yêu cầu đề ngày 10/11/2025, bà Võ Thị G1 trình bày các tài liệu do Tòa án thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực X, tỉnh Quảng Trị đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Mỹ N là không đúng và không liên quan đến đất nông nghiệp mà gia đình bà Võ Thị G1 đang sử dụng, đề nghị Tòa án xem xét giá trị pháp lý đối với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bà G1 không đồng tình với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Tạ Văn S trình bày:

Ông S cho rằng thửa đất mà gia đình bị đơn đang canh tác và sử dụng là đất nông nghiệp, gia đình bị đơn sử dụng ổn định từ lâu và không có tranh chấp với ai. Theo ông Sáu Đ nông nghiệp không được phép cấp nhà ở, đất nông nghiệp chỉ có Thủ tướng Chính phủ ký thu hồi và quy hoạch về phục vụ lợi ích cho Quốc gia và An ninh Quốc phòng thì mới được thu hồi, không có chuyện 03 nền đất thổ cư trên đất nông nghiệp của gia đình bị đơn, toàn bộ khu đất đó là đất hợp pháp của gia đình ông S.

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G đều có đơn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất đang tranh chấp với lý do căn cứ vào luật đất đai và các tài liệu chứng cứ xét thấy nông nghiệp của gia đình các bị đơn đang canh tác và sử dụng không liên quan gì đến mảnh đất bà Trần Thị Mỹ N đang khởi kiện nên yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất nông nghiệp của gia đình các bị đơn đang canh tác và sử dụng theo khoản 2 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 10/12/2025 Toà án cấp sơ thẩm đã thành lập hội đồng xem xét, thẩm định thửa đất số 797, tờ bản đồ 06 tại thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, kết quả như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất trồng lúa hộ ông Tạ Á từ điểm 1 đến điểm 2 kích thước 12,81m;
- Phía Đông Nam giáp thửa đất 877 và đất nghĩa địa từ điểm 2 đến điểm 3 kích thước 20m;
- Phía Tây Nam giáp đường G từ điểm 3 đến điểm 4 kích thước 12.81m;
- Phía Tây Bắc giáp thửa đất 796 từ điểm 4 đến điểm 1 kích thước 20m.

Trên đất không có tài sản là vật, khiến trúc, công trình, cây trông, vật nuôi. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là đất ruộng ngập nước.

Tại Bản án số 19/2026/DS-ST ngày 25/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày

25/6/2025 của Quốc Hội; các Điều 158,164, 166, 169, 175 và Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 11, 26, 31, 236 Luật đất đai 2024; ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất"* đối với ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G cụ thể:

Công nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Mỹ N đối với thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 996704 cấp ngày 27/4/2021 mang tên bà Trần Thị Mỹ N.

Buộc các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Mỹ N tại thửa đất số thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, chấm dứt canh tác trên đất và trả lại thửa đất nói trên cho bà Trần Thị Mỹ N.

(Vị trí thửa đất được đánh số thức tự 1,2,3,4 trên sơ đồ xem xét thẩm định tại chổ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực X-Quảng Trị thực hiện được đính kèm theo bản án này.)

Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/7/2026, bị đơn anh Tạ Văn S có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm số 19/2026/DS-ST ngày 25/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 26/8/2026 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận được đơn trình bày bổ sung nội dung đơn kháng cáo của các đồng bị đơn ông Tạ Á; anh Tạ Văn H; anh Tạ Văn M; chị Tạ Thị L; chị Tạ Thị A; anh Tạ Văn S 2000; chị Tạ Thị Thanh G và Bà Võ Thị G1. Theo đơn trình bày của các đồng bị đơn lý do của việc kháng cáo là vì: Thửa đất số 797, tờ bàn đồ số 06 do gia đình ông Tạ Á khai hoang và sử dụng để trồng lúa và hoa màu từ năm 1997 cho đến nay không có tranh chấp với ai và cũng không có quyết định nào của Nhà nước liên quan đến việc thu hồi

đất của gia đình ông đang sử dụng. Việc UBND huyện G cấp đất của gia đình ông Tạ Á đang sử dụng và quản lý cho cá nhân ông H3 là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình bị đơn. Tại thời điểm UBND huyện G cấp đất cho ông H3 thì trên đất đang có tài sản của gia đình bị đơn nhưng gia đình bị đơn vẫn chưa được bồi thường về tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày việc các đồng bị đơn khác ký vào đơn trình bày bổ sung nội dung đơn kháng cáo ngày 26/8/2026 là có sự nhầm lẫn về quyền kháng cáo; giữ nguyên nội dung kháng cáo của bị đơn anh Tạ Văn S và đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Toà án công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số DB 996704, đối với thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, mang tên bà Trần Thị Mỹ N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.
Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2026/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Tạ Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Tạ Văn S được làm trong thời hạn luật định và đảm bảo về nội dung theo các quy định tại Điều 272; Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngoài ra vào ngày 26/8/2026 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận được đơn trình bày bổ sung nội dung đơn kháng cáo của các đồng bị đơn ông Tạ Á, anh Tạ Văn H, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị L, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G và Bà Võ Thị G1. Cùng trú tại địa chỉ: Đ, thôn L, xã C, tỉnh Quảng Trị với nội dung kháng cáo bản án của cấp sơ thẩm, xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm Toà án cấp sơ thẩm đã tống đạt bản án hợp lệ cho các đồng bị đơn. Tuy nhiên

trong thời hạn kháng cáo Toà án chỉ nhận được đơn kháng cáo của anh Tạ Văn S. Do đó, theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án chỉ thụ lý đơn kháng cáo của anh Tạ Văn S để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Tạ Văn S về việc cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu huỷ giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Mỹ N:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, thấy rằng: theo Công văn số 28/UBND-TH ngày 04/4/2023 của UBND xã G nguồn gốc thửa đất 797, tờ bản đồ số 06, diện tích 256m^2 địa chỉ tại: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị trước đây thuộc thửa đất số 290 tờ bản đồ số 06 của xã G. Tại sổ mục kê và sơ đồ bản đồ thửa đất xã G, huyện G tỉnh Quảng Trị cũ thể hiện thửa đất số 290 tờ bản đồ số 06 với diện tích 8185 m^2, do UBND xã G đăng ký kê khai và quản lý, cụ thể là từ năm 1994 đến năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã G quản lý và cho ông Nguyễn Á1 ở (Thừa Thiên Huế) thuê làm đất sản xuất làm lò gạch đến năm 2009 do hết trữ lượng nên ông Á1 trả lại mặt bằng. Sau đó UBND xã G lập quy hoạch đất ở đối với thửa đất trên và các thửa đất xung quanh. Thửa đất số 290 tờ bản đồ số 06 sau khi được quy hoạch làm đất ở thì được cấp cho các hộ có nhu cầu trên địa bàn thôn L gồm: Hộ ông Tạ Văn T1, hộ ông Trần Văn H3, hộ bà Nguyễn Thị T2 và H4 ông Tạ Ái . Ngày 16/3/2012 Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị cũ đã có Quyết định về việc giao đất cho ông Trần Văn H3, ông Trần Văn H3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 797 tờ bản đồ 06 với diện tích 256 m^2 và đến năm 2021 ông Trần Văn H3 làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Trần Thị Mỹ N. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H3 và cấp lại cho bà Trần Thị Mỹ N sau khi nhận chuyển nhượng được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Tạ Văn S cho rằng thửa đất số 797, tờ bàn đồ số 06 do gia đình ông Tạ Á khai hoang và sử dụng để trồng lúa và hoa màu từ năm 1997 cho đến nay không có tranh chấp với ai và cũng không có quyết định nào của Nhà nước liên quan đến việc thu hồi đất của gia đình ông đang sử dụng. Việc UBND huyện G cấp đất của gia đình bị đơn đang sử dụng và quản lý cho cá nhân ông H3 là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi thửa đất được cấp cho bà Trần Thị Mỹ N thì thửa đất 797, tờ bản đồ 06 được đo đạc, chỉnh lý từ thửa đất số 290, tờ bản đồ số 06 thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã G. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã G đã lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng thửa đất số 290, tờ bản đồ số 06 để phát triển khu dân cư, giao đất làm nhà ở cho các hộ gia đình có nhu cầu

làm nhà trên địa bàn xã. Sau khi Hội đồng xét giao đất xã G tiến hành họp xét thì hộ ông Tạ Á được UBND huyện G giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH 135078, ngày 21/12/2016 tại thửa đất số 805, tờ bản đồ 06 diện tích 1.107,0m^2. Do đó bị đơn anh S cho rằng gia đình anh khai hoang canh tác, sử dụng từ 1997 nhưng không có quyết định thu hồi nào của Nhà nước liên quan đến việc thu hồi đất của gia đình ông đang sử dụng là không có căn cứ vì gia đình bị đơn cũng thuộc đối tượng được cấp đất tại thửa đất số 290, tờ bản đồ 06; việc bị đơn sử dụng diện tích đất tranh chấp vào mục đích nông nghiệp là tự phát, không đăng ký, kê khai với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai, đồng thời không đúng mục đích quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Việc bị đơn sử dụng đất, sinh sống tại thửa 290, tờ bản đồ 06 xã G cũng đã được xem xét trong quá trình cấp GCNQSDĐ đối với 1107m^2 đất thuộc thửa 805, tờ bản đồ số 06 (là một phần trong 8185,0m^2 đất xây dựng (XD) của thửa 290, tờ bản đồ số 06 trước đây). Tại phiên toà bị đơn cũng không cung cấp được các giấy tờ chứng mình thửa đất 797, tờ bản đồ 06 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ ông Tạ Á do đó Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các đồng bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc tại thời điểm UBND huyện G cấp đất cho ông H3 thì trên đất đang có tài sản của gia đình bị đơn nhưng gia đình bị đơn vẫn chưa được bồi thường về tài sản, thấy rằng:

Yêu cầu này của bị đơn vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Mặt khác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Toà án nhân dân khu vực 8 tiến hành, thể hiện trên phần diện tích tranh chấp không có tài sản là vật, khiến trúc, công trình, cây trông, vật nuôi. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là đất ruộng ngập nước Tại cấp phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp được các tài sản trên đất là gì, giá trị bao nhiêu nên không có cơ sở để Hội đồng xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Văn S; giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2026/DS-ST ngày 25/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Tạ Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tạ Văn S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2026/DS-ST ngày 25/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8,

tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; các Điều 158,164, 166, 169, 175 và Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166; Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai 2013; ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N đối với các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G về việc; Tranh chấp quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất.

- Buộc các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G giao trả lại toàn bộ diện tích 256m^2 tại thửa đất số thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị cho bà Trần Thị Mỹ N quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 996704 được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/4/2021 mang tên bà Trần Thị Mỹ N.

- Buộc các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G chấm dứt việc chiếm giữ, canh tác và mọi hành vi cản trở bà Trần Thị Mỹ N thực hiện quyền của người sử dụng đất tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06.

(Vị trí thửa đất được đánh số thức tự 1,2,3,4 trên sơ đồ xem xét thẩm định tại chổ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực X-Quảng Trị thực hiện được đính kèm theo bản án này.)

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 996704 được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/4/2021 mang tên bà Trần Thị Mỹ N của các bị đơn ông Tạ Á, bà Võ Thị G1, anh Tạ Văn H, chị Tạ Thị L, anh Tạ Văn M, chị Tạ Thị A, anh Tạ Văn S, chị Tạ Thị Thanh G.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Toà án công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số DB 996704, đối với thửa đất số 797, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn L, xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị, mang tên bà Trần Thị Mỹ N.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thu thập tài liệu chứng cứ là

2.296.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Bà Trần Thị Mỹ N đã nộp đủ.

5. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N thuận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Mỹ N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/2023 số 0000423 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8), tỉnh Quảng Trị. Bà Trần Thị Mỹ N đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tạ Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được khấu trừ tại biên lai số 0000265 ngày 20/7/2026 nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Tạ Văn S đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (23/9/2026).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬPHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND KV 8, tỉnh Quảng Trị;
- THADS Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

Trần Anh Tuấn